

BẢN TRÍCH YẾU LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Tên tác giả luận án: Trần Ngọc Thụy

Tên luận án: “Nghiên cứu sự biểu lộ của các dấu ấn C-MET, HER2, PCNA và đối chiếu với lâm sàng, nội soi, mô bệnh học ở bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến dạ dày”

Chuyên ngành: Nội tiêu hóa; Mã số: 62720143

Chuyên ngành chuyển đổi: Nội Khoa; Mã số: 9720107

Tên đơn vị đào tạo: Trường Đại học Y Dược

Tên cơ sở đào tạo: Đại học Thái Nguyên

NỘI DUNG TRÍCH YẾU

1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu sự biểu lộ của các dấu ấn C-MET, HER2, PCNA ở bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến dạ dày nhuộm bằng hóa mô miễn dịch.

Đối chiếu sự biểu lộ các dấu ấn C-MET, HER2, PCNA với lâm sàng, nội soi, mô bệnh học ở bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến dạ dày.

2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là 150 bệnh nhân ung thư biểu mô tuyến dạ dày được phẫu thuật cắt u tại Bệnh viện K cơ sở Quán Sứ trong thời gian từ tháng 1/2018 đến tháng 6/2022.

Bệnh nhân có kết quả mô bệnh học sau sinh thiết khối u qua nội soi, nhuộm Hematoxylin-Eosin (HE) xác định là ung thư biểu mô tuyến dạ dày.

Bệnh nhân có chỉ định phẫu thuật cắt khối u dạ dày.

Bệnh nhân đồng ý, tự nguyện tham gia vào nghiên cứu.

Bệnh phẩm là khối u sau mổ được xử lý theo quy trình chuẩn và nhuộm HMMD xác định các dấu ấn C-MET, HER2 và PCNA.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang

4. Các kết quả chính và kết luận

- Tỷ lệ UTBMTDD ở nam/nữ = 1,94/1. Tuổi trung bình $59,4 \pm 11,7$, tuổi 60- 69 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (34,7%).

- Đau bụng thượng vị, sụt cân, chán ăn, là những triệu chứng thường gặp, với tỷ lệ lần lượt là 99,3%, 48,0%, 38,0%.

- Theo phân loại Borrmann, phần lớn tổn thương có hình ảnh dạng loét (53,3%), tiếp theo là dạng nắm (36%), dạng thâm nhiễm (8%) và thấp nhất là dạng polyp (2,7%).

- Theo phân loại mô bệnh học của Lauren, typ ruột chiếm tỷ lệ cao nhất là 72,7%, typ lan tỏa 22,7% thấp nhất là typ hỗn hợp 4,6%.

- Theo phân loại của tổ chức y tế thế giới, UTBM thể ống nhỏ chiếm tỷ lệ cao nhất (58,7%); tiếp theo là thể tế bào nhân (22,7%) thể nhầy (12,0%) thể hỗn hợp (4,7%), và thấp nhất là thể nhú (2,0%). UTDD thể biệt hóa thấp chiếm tỷ lệ cao nhất (51,6%), tiếp theo là thể biệt hóa vừa (42,9%) và thấp nhất là thể biệt hóa cao (5,5%).

- Tỷ lệ C-MET, PCNA biểu lộ cao lần lượt là: 51,3% và 54,7%. Tỷ lệ bệnh nhân biểu lộ HER2 dương tính là 28,7%.

- C-MET biểu lộ mức độ 1+, 2+, 3+ có tỷ lệ: 16,7% ; 27,3% và 24,0%.

- HER2 biểu lộ mức độ 1+, 2+, 3+ có tỷ lệ: 14,0%; 19,3% và 9,4%.

- PCNA biểu lộ mức độ 1+, 2+, 3+ có tỷ lệ: 40,7%; 18,0% và 36,7%.

- Tỷ lệ biểu lộ cao 1 dấu ấn duy nhất là 27,3%. Biểu lộ cao 2 trong 3 dấu ấn là 28,7%. Biểu lộ cao đồng thời cả 3 dấu ấn C-MET, HER2, PCNA là 16,7%.

- Sự biểu lộ C-MET, HER2 không có liên quan với giới tính, tuổi của bệnh nhân UTDD ($p > 0,05$). Sự biểu lộ PCNA cao nhất nhóm tuổi 60-69 là 69,2% với $p < 0,05$.

- Sự biểu lộ C-MET, HER2, PCNA không có liên quan với triệu chứng lâm sàng, đặc điểm đại thể khối u trên nội soi theo phân loại Borrmann với $p > 0,05$.

- Sự biểu lộ C-MET, HER2, PCNA có liên quan với thể mô học theo phân loại Lauren và tổ chức y tế thế giới với $p < 0,05$.

- Sự biểu lộ HER2 có liên quan với mức độ biệt hóa của ung thư dạ dày với $p < 0,05$.

- Sự đồng biểu lộ của C-MET, HER2, PCNA có liên quan với typ mô bệnh học theo phân loại của Lauren và tổ chức y tế thế giới với $p < 0,05$.

- Sự biểu lộ C-MET có liên quan với giai đoạn T, với tỷ lệ biểu lộ C-MET cao nhất trong giai đoạn T4 là 56,8% ($p < 0,05$). Sự biểu lộ C-MET, HER2, PCNA không có liên quan với giai đoạn TNM của UTDD ($p > 0,05$).

5. Kiến nghị

Ngoài việc đánh giá HER2 đã được sử dụng thường xuyên trong lâm sàng nên bổ sung các dấu ấn C-MET và PCNA nhằm thu thập những thông tin hữu ích cho chẩn đoán, tiên lượng và ảnh hưởng tới điều trị đích.

Mở rộng nghiên cứu, đánh giá giá trị tiên lượng của các dấu ấn C-MET, HER2 và PCNA ở ung thư dạ dày giai đoạn sớm.

Xác nhận của tập thể hướng dẫn

Nghiên cứu sinh





PGS.TS Dương Hồng Thái PGS.TS Nguyễn Phú Hùng

Trần Ngọc Thụy